TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2022
V/v chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 17/01/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc "Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q sinh năm 1964 (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 85, ngõ 10 đường Nguyễn Cao, Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:

Chị kết hôn với anh P năm 1986 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong chị và anh P về chung sống với nhau ở tại thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam. Sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sau đó chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh P. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự

thỏa thuận của các đương sự số 27/2015- HNGĐ ngày 24/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã công nhận cho chị và anh P thuận tình ly hôn. Nhưng về tài sản chung chị và anh P chưa giải quyết trong vụ án.

Trong quá trình chị và anh P chung sống, chị và anh P phát triển được những tài sản sau: 01 thửa đất ở, đất vườn có diện tích 794m^2 trị giá 1.242.500.000đ ở thôn Triệu, xã Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên chị và anh P, cấp GCNQSDĐ năm 2009, nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng từ mẹ chị là bà Tô Thị T từ tháng 11 năm 2008, trên đất vợ chồng chị đã xây dựng được các tài sản gồm: 01 nhà cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị gái 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ. Tổng trị giá tài sản là 1.837.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021. Toàn bộ sài sản gồm đất và các tài sản trên đất hiện do anh P đang quản lý và sử dụng.

* *Về công nợ và ruộng canh tác*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của chị và anh P gồm: 200m^2 đất ở và 141,2m^2 đất vườn trị giá 676.500.000đ nằm trong tổng diện tích 794m^2 đất ở, đất vườn ở thôn Triệu, xã Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên chị và anh P, cấp GCNQSDĐ năm 2009 và các tài sản trên dất gồm 01 nhà cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị gái 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ. Tổng trị giá tài sản là 1.271.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021, chị yêu cầu được sử dụng một phần đất và một phần tài sản trên đất. Còn một phần đất vườn có diện tích 452,8m^2 trị giá 566.000.000đ phía sau nhà ở nằm trong tổng diện tích đất ở, đất vườn 794m^2 đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ năm 2009 cho vợ chồng chị, chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Tô Thị T là mẹ chồng chị có đề nghị Tòa án buộc chị và anh P thanh toán trả số tiền còn nợ mẹ chồng chị 65.000.000đ do nhận chuyển nhượng đất ở và đất vườn của bố, mẹ chồng chị. Nay bà T có đơn xin rút đơn, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, chị hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết một phần vụ án số: 91A/2021/QĐST- HNGĐ ngày 30/11/2021.

Tại phiên tòa hôm nay chị giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày trong các bản tự khai và biên bản lấy lời khai: Anh và chị Q về chung sống với nhau từ năm 1986. Đến năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng, anh và chị Q đã được Tòa án nhân dân huyện Lục Nam

giải quyết ly hôn, về tài sản không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án. Trong quá trình anh và chị Q chung sống đã phát triển được khối tài sản gồm: 01 thửa đất ở, đất vườn có diện tích 794m^2 trị giá 1.242.500.000đ ở thôn Triệu, xã Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên anh và chị Q, cấp GCNQSDĐ năm 2009, nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng từ mẹ anh là bà Tô Thị T từ tháng 11 năm 2008, trên đất vợ chồng anh đã xây dựng được các tài sản gồm: 01 nhà cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị gái 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ. Tổng trị giá tài sản là 1.837.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021. Toàn bộ đất và sài sản trên đất hiện do anh đang quản lý và sử dụng.

Nay anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng gồm 200m^2 đất ở và 141,2m^2 đất vườn trị giá 676.500.000đ nằm trong tổng diện tích 794m^2 đất ở, đất vườn ở thôn Triệu, xã Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên anh và chị Q, cấp GCNQSDĐ năm 2009 và các tài sản trên dất gồm 01 nhà cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị gái 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ. Tổng trị giá tài sản là 1.271.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021, anh yêu cầu được sử dụng toàn bộ đất ở, đất vườn và toàn bộ tài sản trên đất, anh có trách nhiệm tranh toán trả cho chị Q tiền tài sản chênh lệch vợ chồng. Còn một phần đất vườn có diện tích 452,8m^2 trị giá 566.000.000đ phía sau nhà ở nằm trong tổng diện tích đất ở, đất vườn 794m^2 đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ năm 2009 cho vợ chồng anh, anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Tô Thị T là mẹ đẻ anh có đề nghị Tòa án buộc anh và chị Q thanh toán trả số tiền còn nợ mẹ anh 65.000.000đ do nhận chuyển nhượng đất ở và đất vườn của bố, mẹ anh. Nay bà T có đơn xin rút đơn, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, anh hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa

vụ của mình, còn bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 357 BLDS năm 2015, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về tài sản:

Giao cho anh Nguyễn Văn P sử dụng, sở hữu diện tích đất ở 200m^2, diện tích đất vườn 141,2m^2 nằm trong tổng diện tích đất ở, đất vườn 794m^2 ở thôn Triệu, Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên chị Q và anh P, cấp GCNQSDĐ ngày 14/01/2009 và 1 nhà ở có diện tích 115,9m^2**,** 01 bếp loại B có diện tích 12,68m^2, 01 nhà vệ sinh có diện tích 9,8m^2, 01 sân gạch có diện tích 121m^2, tổng trị giá tài sản 1.271.161.000đ nhưng phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Lê Thị Q tiền chia tài sản chung vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân là 635.580.500đ (Sáu trăm ba mươi lăm triệu lăm trăm tám mươi nghìn lăm trăm đồng).

- Về diện tích đất ở, đất vườn có các cạnh như sau:

Cạnh phía Bắc tiếp giáp với đất vườn của anh P, chị Q tính từ điểm 3 đến điểm 6 dài 17,17m.

Cạnh phía Đông giáp nhà ông Tá tính từ điểm 6 đến điểm 7, điểm 8 dài 21,88m.

Cạnh phía Nam giáp đường liên thôn tính từ điểm 8 đến điểm 1 dài 15,68m.

Cạnh phía Tây giáp đất bà T tính từ điểm 1 đến điểm 2, điểm 3 dài 17,25m.

Có sơ đồ kèm theo.

Về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã giao các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định ngừng phiên tòa, thông báo lịch thay đổi phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn P kết hôn năm 1986 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, cưới xong chị Q và anh P về chung sống với nhau ở tại thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam. Trong quá trình chung sống do mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2015/QĐST- HNGĐ ngày 24/02/2015 chị Q và anh P đã được Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết cho ly hôn. Do chị Q và anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, chị Q và anh P đều xác nhận có phát triển được tài sản gồm: 1 thửa đất ở, đất vườn có diện tích 794m^2 trị giá 1.242.500.000đ (trong đó có 200m^2 đất ở và 594m^2 đất vườn) ở thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên chị Q và anh P, GCNQSDĐ cấp ngày 14/01/2009. Tài sản phát triển trên đất gồm: 01 nhà ở cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị giá 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ; Tổng trị giá tài sản là 1.837.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021.

Nay chị Q và anh P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm 200m^2 đất ở trị giá 500.000.000đ, một phần diện tích đất vườn 141,2m^2 trị giá 176.500.000đ nằm trong tổng diện tích 794m^2 đất ở, đất vườn ở thôn Triệu, xã Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên anh và chị Q, cấp GCNQSDĐ ngày 14/01/2009, và tài sản chị Q anh P phát triển được trên đất gồm: 01 nhà cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị gái 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ; Tổng trị giá tài sản là 1.271.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021. Có được khối tài sản phát triển trên là do công sức của chị Q, anh P phát triển được, nay cần chia đôi. Hiện số tài sản này anh P đang quản lý, sử dụng, sở hữu. Nay chị Q yêu cầu được sử dụng một phần đất ở, đất vườn và tài sản trên đất còn phía anh P yêu cầu được sử dụng toàn bộ đất ở là 200m^2 và 141,2m^2 đất vườn cùng toàn bộ tài sản trên đất, anh P có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Q bằng tiền.

HĐXX nhận thấy: Việc yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng phát triển được của anh P, chị Q là chính đáng, phù hợp với pháp luật nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh và thẩm định thực tế toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn và các tài sản xây dựng trên đất chị Q và anh P phát triển được trên đất thì thấy đất và các tài sản trên đất không thể cắt, phân chia nhà đất theo yêu cầu của chị Q được; nếu cắt, phân chia theo yêu cầu của chị Q

thì tài sản sẽ không sử dụng được . Hơn nữa Tòa án đã xác minh với UBND xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, sau khi chị Q và anh P ly hôn, chị Q đã đi làm ăn và sinh sống ở nơi khác, không về địa phương sinh sống, toàn bộ đất và tài sản trên đất anh P đang quản lý và sử dụng và hiện tại bà T là mẹ đẻ anh P đang ở chung cùng với anh P trên đất, nhà. Do vậy để thuận tiện cho việc sử dụng tài sản và giữ nguyên giá trị tài sản, nay cần giao cho anh P được sử dụng 200m^2 đất ở trị giá 500.000.000đ, một phần diện tích đất vườn 141,2m^2 nằm trong tổng diện tích 794m^2 đất ở, đất vườn ở thôn Triệu, xã Đan Hội đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên anh và chị Q, cấp GCNQSDĐ ngày 14/01/2009 và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở cấp 3 loại 2 xây dựng năm 2007 trị giá 577.291.000đ; 01 bếp có diện tích 12,68m^2 trị giá 6.999.000đ; 01 nhà vệ sinh loại A diện tích 9,8m^2 trị giá 7.467.000đ; 01 sân gạch có diện tích 121m^2 trị giá 2.904.000đ; Tổng trị giá tài sản là 1.271.161.000đ theo biên bản định giá ngày 19/4/2021 là phù hợp. Buộc anh Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Q tiền chia tài sản chung vợ chồng là 635.580.000đ (sáu trăm ba mươi năm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

[4] Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa chị Q và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết 1 phần đất vườn có diện tích là 452,8m^2 nằm trong tổng diện tích đất ở, đất vườn 794m^2 ở thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên chị Q và anh P, GCNQSDĐ cấp ngày 14/01/2009 và không đề nghị Tòa án giải quyết về công nợ, ruộng canh tác trong vụ án này, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Trong vụ án bà Tô Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án. Ngày 30/11/2021 bà T có đơn xin rút đơn khởi kiện, ngày 30/11/2021 Tòa án đã ra quyết định đình chỉ 1 phần vụ án số: 91A/2021/QĐST- HNGĐ đối với yêu cầu của bà T, chị Q và anh P không có ý kiến gì. Ngoài bà T, Tòa án có đưa chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Duy Khánh, chị Nguyễn Thị Nguyệt là con của chị Q, anh P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng chị Duyên, anh Khánh, chị Nguyệt đều xét thấy không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án và đều xin từ chối tham gia tố tụng, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản:*

Chị Lê Thị Q đã nộp cho Tòa án số tiền 8.000.000đ để Tòa án chi phí cho hội đồng thẩm định, định giá tài sản. Tòa án đã chi phí cho Hội đồng thẩm định và trả tiền đo vẽ cho công ty TNHH Tài nguyên và môi trường Thành Đạt hết toàn bộ số tiền trên. Nay chị Q yêu cầu anh P trả lại chị 4.000.000đ tiền chi phí

thẩm định, định giá tài sản. Xét thấy yêu cầu của chị Q là phù hợp với quy định pháp luật nên cần buộc anh Nguyễn Văn P phải thanh toán trả cho chị Lê Thị Q 4.000.000đ tiền chi phí thẩm định định giá tài sản.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Chị Lê Thị Q phải chịu án phí chia tài là: 20.000.000đ + 235.580.500 x 4% (của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000đ) = 29.423.200đ

Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí chia tài là: 20.000.000đ + 235.580.500 x 4% (của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000đ) = 29.423.200đ

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 357 BLDS năm 2015, Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

2/ ***Về tài sản:***

Giao cho anh Nguyễn Văn P sử dụng, sở hữu diện tích đất ở 200m^2 và một phần diện tích đất vườn 141,2m^2 nằm trong tổng diện tích đất ở, đất vườn 794m^2 ở thôn Triệu, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSDĐ mang tên chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn P, cấp GCNQSDĐ ngày 14/01/2009 và 01 nhà ở cấp 3 loại 2 có diện tích 115,9m^2, 01 bếp loại B có diện tích 12**,**68m^2, 01 nhà vệ sinh có diện tích 9,8m^2, 01 sân gạch có diện tích 121m^2, tổng trị giá tài sản 1.271.161.000đ nhưng phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Lê Thị Q tiền chia tài sản chung vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân là 635.580.500đ (Sáu trăm ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi nghìn lăm trăm đồng).

- Về diện tích đất ở 200m^2 , đất vườn diện tích 141,2m^2 có các cạnh như sau:

Cạnh phía Bắc tiếp giáp với đất vườn của anh P, chị Q tính từ điểm 3 đến điểm 6 dài 17,17m

Cạnh phía Đông giáp nhà ông Tá tính từ điểm 6 đến điểm 7, điểm 8 dài 21,88m

Cạnh phía Nam giáp đường liên thôn tính từ điểm 8 đến điểm 1 dài 15,68m

Cạnh phía Tây giáp đất bà T tính từ điểm 1 đến điểm 2, điểm 3 dài 17,25m.

Có sơ đồ đất kèm theo.

3/ Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn P trả chị Lê Thị Q 4.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

4/ Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 29.423.200đ tiền án phí chia tài sản. Nhưng được trừ vào số tiền 26.000.000đ chị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0005021 ngày 11/11/2020 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Chị Q còn phải nộp thêm số tiền 3.423.200đ.

Anh Nguyễn Văn P phải chịu 29.423.200đ tiền án phí chia tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bªn phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuân THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7ª,7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

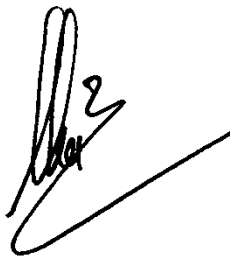
Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Đan Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Hoàng Văn Toan